

Số: 84/2021/QĐST-HNGĐ

V, ngày 16 tháng 8 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự số: 272/2020/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1960; địa chỉ: TDP Đ, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 47, đường A, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Văn Thị Thanh H - Văn phòng luật sư A; địa chỉ: Số 47, đường A, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1958; địa chỉ: TDP Đ, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Minh N thống nhất xác định tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 403, tờ bản đồ số 51, diện tích 1.511,5 m² (trong đó: 240m² đất ở, 1.271,5m² đất trồng cây lâu năm); địa chỉ: TDP Đ, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc và toàn bộ tài sản trên đất. Ông P, bà N thống nhất thỏa thuận và yêu cầu phân chia theo kết quả đo đạc và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất là 1.430,3m² (trong đó: 240m² đất ở, 1.190,3m² đất trồng cây lâu năm) và không có yêu cầu, đề nghị gì về đối với diện tích đất đã bị giảm là 81,5m² so với diện tích đất đã được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Minh N thống nhất thỏa thuận, cụ thể như sau:

+ Cắt diện tích đất 291,6m² (đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 403, tờ bản đồ số 51), địa chỉ: TDP Đ, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc có số đo chỉ giới

các điểm là 20,21,22,23,24,25,26,29,30,31,8,14,19, 18,17,16,20 làm lối đi chung của ông N, bà P.

+ Bà Nguyễn Thị P được quyền sử dụng đối với thửa đất số 403.1, tờ bản đồ số 51 (thửa số 01 của mảnh trích đo địa chính ngày 23/12/2020) có diện tích 260,3m² (trong đó: 30 m² đất ở; 230,3m² đất trồng cây lâu năm), địa chỉ: TDP Đ, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc có số đo chỉ giới các cạnh như sau: 3,4,5,6,7,10,13,8,31,9,3 và thửa đất số 403.2, tờ bản đồ số 51 (thửa số 02 của mảnh trích đo địa chính ngày 23/12/2020) có diện tích 116,6 m² (trong đó: 30 m² đất ở; 86,6m² đất trồng cây lâu năm), địa chỉ: TDP Đ, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc có số đo chỉ giới các cạnh như sau: 10,11,12,13,10 và được quyền sử dụng toàn bộ tài sản trên đất (Có sơ đồ kèm theo).

+ Ông Nguyễn Minh N được quyền sử dụng đối với thửa số 403.3, tờ bản đồ số 51 (thửa số 03 của mảnh trích đo địa chính ngày 23/12/2020), địa chỉ: TDP Đ, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc có diện tích là 649,9m² (trong đó: 150m² đất ở ; 499,9 m² đất trồng cây lâu năm) có số đo chỉ giới các cạnh như sau: 1,2,3,9,31,30,29,27,28,1 và thửa đất số 403.4, tờ bản đồ số 51 (thửa số 04 của mảnh trích đo địa chính ngày 23/12/2020), địa chỉ: TDP Đ, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc có diện tích 111,9m² (trong đó 30m² đất ở và 81,9m² đất trồng cây lâu năm) có số đo chỉ giới các cạnh như sau 13,12,15,14,8,13 và được quyền sử dụng toàn bộ tài sản trên đất (Có sơ đồ kèm theo).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Minh N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP V ;
- Chi cục THADS TP V;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

THẨM PHÁN

Đã ký

Mẫu Văn Mùi